

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Tiêu Dự án Hạ tầng phục vụ phát triển vùng trồng cây ăn quả xã Lộc Yên, huyện Hương Khê thuộc Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị” (BIIIG2)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Văn kiện Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh”, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh”, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Thực hiện Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi chủ đầu tư, chủ dự án, cơ quan thực hiện, theo dõi, tổng hợp các dự án, chương trình về Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày

16/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sử dụng và bố trí Ngân sách tỉnh Hà Tĩnh hàng năm để trả nợ vay lại Ngân sách Trung ương (gốc và lãi); Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh” (BIIG2), vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh về việc chuyển chủ Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh” thuộc dự án BIIG2, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số 222/TTr-DDCN ngày 20/6/2019; của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản thẩm định số 1277/SNN-XDCT ngày 11/7/2019; của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1935/BC-SGTVT ngày 26/6/2019; của Sở Công thương tại Báo cáo kết quả thẩm định số 31/SCT-TĐ ngày 28/5/2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Tiểu Dự án Hạ tầng phục vụ phát triển vùng trồng cây ăn quả xã Lộc Yên, huyện Hương Khê thuộc Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị” (BIIG2), với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng phục vụ phát triển vùng trồng cây ăn quả xã Lộc Yên, huyện Hương Khê.

Thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh (BIIG2 - Hà Tĩnh), vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

2. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

3. Loại và cấp công trình:

- Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

- Công trình giao thông, cấp III.

- Công trình điện, cấp III.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaxim và Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Hà Tĩnh.

7. Nội dung, quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

7.1. Hạng mục thủy lợi: Nâng cấp, sửa chữa đập Ông Vòm

Quy mô và các thông số kỹ thuật:

TT	Các thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Giá trị	Đơn vị
1	Diện tích lưu vực	F	1,39	Km <sup>2</sup>
2	Mực nước chết	MNC	28,40	m
3	Mực nước dâng bình thường	MNDBT	31,80	m
4	Mực nước dâng gia cường	MNDGC	32,70	m
5	Dung tích ứng với MNC	Wc	0,01	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>
6	Dung tích hiệu dụng	Whd	0,05	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>
7	Dung tích hồ	Whd	0,06	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>
8	Dung tích siêu cao	Wgc	0,08	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>

- Đập đất: Tuyến đập bám theo tuyến hiện trạng, chiều dài đập  $L_d = 263m$ ; đập áp trục thân đập về phía hạ lưu bằng đất đồng chất  $K=0,95$ ;  $\gamma_{tk}=1,70(T/m^3)$ ; riêng đoạn từ K0+8,7 đến K0+209,09 đào chân đanh đập chống thấm cho nền và thân đập, cao trình đỉnh đập (+33,85m); mặt đập rộng  $B=5m$ , đập một lớp cấp phôi đồi dày 20cm; mái thượng lưu: Hệ số mái  $m=2,5$ ; gia cố bằng bê tông cốt thép  $R_b200$  dày 10cm đá (1x2)cm đổ tại chỗ, phía dưới lót bằng bạt xác rắn, mái hạ lưu  $m=2,5$ ; bảo vệ mái bằng tròng cỏ chống xói; thoát nước hạ lưu đập bằng lăng trụ kết hợp áp mái (cao trình lăng trụ +26,80m; cao trình áp mái +28,50m) tiếp giáp đập đất bùn trát lấp ngược, vải địa kỹ thuật, đá dăm (1x2) cm dày 20cm, đá lát khan chèn chặt 30cm.

- Tràn xả lũ: Xây dựng tại vị trí tràn cũ; hình thức tràn chính diện, chảy tự do, tiêu năng đáy, ngưỡng Opixerop, lưu lượng thiết kế  $Q_{tr}=51,10m^3/s$ , cột nước tràn  $H_{tr}=0,9m$ ; chiều rộng tràn  $B_{tr}=30,0m$ ; kết cấu bằng bê tông cốt thép  $R_b200$ ; kênh dẫn hạ lưu có mặt cắt hình thang, chiều rộng đáy  $B=20m$ , hệ số mái dốc  $m=1,5$ ; gia cố mái kênh hạ lưu từ tiêu năng dài 60m, đoạn còn lại nạo vét lòng dẫn hạ lưu đảm bảo thoát lũ.

- Cống lấy nước dưới đập: Cống lấy nước đặt phía vai phải đập đất, cách cống cũ 3m về phía tả; hình thức cống tròn, chảy có áp, bố trí van chặn ở hạ lưu cống, kết cấu cống bằng ống thép đường kính D60cm, dày 6mm nối liền từ thượng lưu đến hạ lưu cống, ngoài bọc bằng BTCT  $R_b200$ , đá (1x2)cm dày 30cm, cao trình đáy cửa vào cống (+26,30)m, độ dốc đáy cống  $i=0,45\%$ , nối tiếp sau cống là bể tiêu năng bằng BTCT  $R_b200$ .

- Kênh tưới: Tổng chiều dài 02 tuyến kênh là: 1028,12m

+ Chiều dài tuyến kênh chính thiết kế dài 917,73m; kết cấu kênh bằng bê tông cốt thép  $R_b200$ , đá (1x2)cm, đáy và thành kênh dày 12cm, đoạn từ K0+8,8 ÷ K0+54 kích thước  $b \times h = (0,7 \times 1,0)m$ , từ K0+54 ÷ K0+926,53 kênh có kích thước  $b \times h = (0,4 \times 0,5)m$ , cứ 10m bố trí 1 khe lún bằng 2 lớp giấy dầu 3 lớp nhựa đường, 10m bố trí 4 giằng ngang bằng BTCT  $R_b200$  đá (1x2)cm tiết diện (10x10)cm, bờ kênh đập đất  $K=0,85$  rộng mỗi bên 80cm,  $m=1,50$  tròng cỏ.

+ Công trình trên tuyến: Trên tuyến bố trí 13 cửa lấy nước trong đó phía tả bố trí 08 CLN tại: K0+54,31; K0+427,20; K0+503,8; K0+565,7; K0+613,29; K0+685,7; K0+843,45; K0+896,16 và 05CLN phía hữu tại: K0+406,98; K0+500,77; K0+555,30; K0+ 13,29; K0+757,31. Bố trí 03 cống qua đường tại: K0+355; K0+553 và K0+774. Bố trí 02 cửa tiêu vào tại: K0+221,80 và K0+278,63.

+ Chiều dài tuyến kênh nhánh thiết kế dài 110,39m; kết cấu kênh bằng bê tông R<sub>b</sub>200, đáy và thành dày 12cm, kênh có kích thước bxh=(0,4x0,5)m; cứ 10m bố trí 1 khe lún bằng 2 lớp giấy dàu 3 lớp nhựa đường, 10m bố trí 4 giằng ngang bằng BTCT M200# đá (1x2)cm tiết diện (10x10)cm. Bờ kênh đắp đất K=0,85 rộng mỗi bên 80cm, m=1,50 trồng cỏ.

(Chi tiết có bản vẽ thiết kế kèm theo)

7.2. Hạng mục giao thông: Đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 1935/BC-SGTVT ngày 26/6/2019 của Sở Giao thông Vận tải về báo cáo kết quả thẩm định hạng mục đường giao thông Tiêu dự án Hạ tầng phục vụ phát triển cây ăn quả xã Lộc Yên thuộc dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị” với các thông số kỹ thuật chính như sau:

Thiết kế 03 tuyến đường và công trình trên tuyến có tổng chiều dài 7.686,11m cụ thể:

- Tuyến 1 dài 805,92 (không bao gồm Km0+00 đến Km1+482,90 và đoạn Km2+288,82-Km2+439,07 giữ nguyên không thiết kế do đã được đầu tư từ nguồn hỗ trợ xi măng và một số dự án do xã Lộc Yên làm chủ đầu tư), điểm đầu Km0+00 tiếp giáp cầu Hương Yên thôn Yên Bình, điểm cuối Km2+439,07 giao đường trực thôn Yên Bình.

- Tuyến 2 dài 3.985,97m; điểm đầu Km0+00 giao đường Hà Linh - Phúc Trạch tại vườn nhà ông An thôn Trường Sơn, điểm cuối Km3+985,97 giao tuyến số 1 tại Km1+372,23 thuộc khu vực Đồng Roi thôn Hương Giang.

- Tuyến 3 dài 2.894,22m; điểm đầu Km0+00 giao đường trực thôn Hương Đô (tại nhà anh Hà chị Vân xóm 9 xã Hương Đô), điểm cuối (Km2+894,22) giao đường bê tông tại sông Rào Tre thuộc thôn Yên Bình.

7.2.1. Bình đồ, trắc đạc: Không chế theo vị trí tuyến đường hiện trạng, trên cơ sở phù hợp với vị trí, cao độ các điểm không chế, điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn; tuân thủ thiết kế cơ sở được duyệt; có nắn chỉnh cục bộ một số vị trí nhằm nâng cao chỉ tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến, phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế tối đa khối lượng GPMB, đặc biệt các đoạn qua khu dân cư, các công trình tâm linh; hạn chế tối đa các công trình phòng hộ

7.2.2. Trắc ngang:

- Tuyến 1: Bề rộng nền đường Bnền = 6,5m; mặt đường Bmặt = 3,5m; lề đất Blđ = 2x1,5m = 3,0m.

- Tuyến 2 và tuyến 3: Bè rộng nền đường Bnền = 6,0m; mặt đường Bmặt = 3,5m; lề đất Blđ = 2x1,25m = 2,5m.

- Độ dốc ngang mặt đường im= 2%, dốc ngang lề đất ilđ = 4%.

7.2.3. Nền đường: Đắp bằng đất đồi đầm chặt K ≥ 0,95 (CBR ≥ 4). Trong mọi trường hợp, tối thiểu 30cm nền đường dưới đáy áo đường đảm bảo độ đầm chặt K ≥ 0,95 (CBR ≥ 4). Trước khi đắp, đào bóc lớp đất hữu cơ dày tối thiểu 30cm; đánh cáp với bè rộng tối thiểu 0,5m đối với các vị trí có độ dốc ngang ≥ 20%. Mái taluy nền đắp 1/1,5; mái taluy nền đào đất 1/1.

7.2.4. Kết cấu mặt đường: Bằng bê tông xi măng, kết cấu cụ thể như sau: Lớp mặt bê tông xi măng M250# đá 1x2 dày 20cm; 01 lớp bạt xác rắn tạo phẳng; lớp móng cáp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

#### 7.2.5. Công trình thoát nước:

- Cống thoát nước ngang: Thiết kế theo tải trọng H13-X60. Thiết kế mới 13 cống thoát nước ngang các loại (02 cống bản L0 = 0,75m; 01 cống bản L0 = 1,5m; 02 cống bản L0 = 2,0m; 06 cống tròn D = 1,0m và 02 cống tròn 2D = 2x1,0m); 03 tràn kết hợp cống bản có khẩu độ L0 = 3m (02 cống trên tuyến 2 và 01 cống trên tuyến 3), chiều dài tràn kết hợp cống tại mỗi vị trí trên tuyến 2 lần lượt là 33,6m và 43,37m; chiều dài tràn kết hợp cống trên tuyến 3 là 59,0m.

+ Kết cấu cống bản: Móng, thân, tường cánh, sân cống, gia cố thượng hàn lưu cống bằng BTXM M150# đá 2x4; trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; mũ mố, giằng chống bằng BTCT M200# đá 1x2 đổ tại chỗ; tấm bản bằng BTCT M250# đá 1x2 đúc sẵn.

+ Kết cấu cống tròn: Móng, tường đầu, tường cánh, sân cống, gia cố thượng hàn lưu cống bằng BTXM M150# đá 2x4, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; ống cống, bằng BTCT M200# đá (1x2)cm đúc sẵn.

+ Kết cấu tràn: Mặt đường tràn có kết cấu giống với kết cấu mặt đường trên tuyến, với chiều rộng tràn Bnền = Bmặt = 7,0m; gia cố mái taluy đường tràn bằng BTXM M200# đá 1x2 dày 15cm, kết hợp chân khay chống xói bằng BTXM M200# đá 2x4. Độ dốc mái taluy nền đường phía thượng lưu tràn là 1:2 và hạ lưu là 1:3.

- Hệ thống thoát nước dọc: Đối với các đoạn nền đường đào hoặc đắp thấp bô trí rãnh hình thang ( $b+B$ )xh = (40+120)x40cm dọc hai bên tuyến. Tại các đoạn rãnh có độ dốc lớn, nguy cơ xói lở cao ( $ir \geq 6\%$ ), lòng rãnh được gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng M100# dày 25cm.

7.2.6. Công trình cầu: Toàn dự án làm mới 02 công trình cầu (tại Km1+744,00 thuộc tuyến 1 và tại Km2+775,06 thuộc tuyến 3), cụ thể như sau:

- Quy mô thiết kế: Cầu vĩnh cửu bằng BTCT; tải trọng thiết kế 0,65HL93 (tiêu chuẩn thiết kế 22TCN272-05); khổ cầu B = 6,0+2x0,25 = 6,5m; tần suất vượt lũ trung bình hàng năm-

- Giải pháp kết cấu: Kết cấu gồm 02 nhịp giàn đơn sơ đồ nhịp 2x12m; chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mó là  $L_c = 29,15m$  đối với cầu tuyến 1 và  $L_c = 28,35m$  đối với cầu tuyến 3.

- Kết cấu phần trên: Kết cấu nhịp sử dụng dầm bản rỗng bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ; chiều cao dầm 0,60m; khe co giãn bằng dạng ray thép; gờ chắn bánh bằng BTCT 25Mpa.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ gồm 12 cọc đóng kích thước 40x40cm; chiều dài dự kiến  $L_{dk} = 12,0m$ ;

+ Trụ cầu bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ gồm 10 cọc đóng kích thước 40x40cm; chiều dài dự kiến  $L_{dk} = 12,0m$ .

- Đường hai đầu cầu: Thiết kế dạng đường tròn, có  $B_{nền} = B_{mặt} = 7,0m$ ; phần mái taluy từ nón, ta luy đường, được gia cố bằng BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm kết hợp chân khay chống xói bằng BTXM M200 đá 2x4. Độ dốc mái taluy nền đường phía thượng lưu là 1:2 và hạ lưu là 1:3.

7.2.7. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT.

7.2.8. Các phần phụ trợ khác theo hồ sơ thiết kế.

7.3. Hạng mục Hệ thống điện: Đã được Sở Công thương thẩm định tại Văn bản số 31/SCT-TD ngày 28/5/2019 của Sở Công thương về báo cáo kết quả thẩm định hạng mục Hệ thống điện Tiêu dự án Hạ tầng phục vụ phát triển cây ăn quả xã Lộc Yên thuộc Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị” với các thông số kỹ thuật chính như sau:

#### 7.3.1. Qui mô công trình

- Xây dựng 02 trạm biến áp 180kVA - 10(22)/0.4kV (tổng 360kVA).
- Xây dựng tuyến đường dây trung áp 22kV: 4.368m.
- Xây dựng tuyến đường dây hạ áp 0,4kV: 3.188m.

#### 7.3.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Đường dây trung áp 22kV: Kết cấu kiểu đường dây trên không.

- Điểm đấu nối: Cột số 17 nhánh rẽ TBA xóm 10 xã Hương Đô thuộc đường dây 971 E18.8.

- Cầu dao phân đoạn đường dây lắp tại các vị trí: Cột số 18 trực chính; Cột số 1 nhánh rẽ TBA số 1; Cột số 1 nhánh rẽ TBA số 2.

- Thu lôi van đường dây lắp tại các vị trí: Cột số 56 trực chính và Cột số 11 nhánh rẽ TBA số 2.

- Cột điện: Sử dụng cột bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước, nhóm I, cao 16m,14m đường kính ngoài đầu cột 190mm, tiêu chuẩn sản xuất TCVN 5847:2016.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông đúc tại chỗ M150 đá 2x4, bê tông lót M100 đá 4x6, bê tông chèn khe hở sau khi dựng cột M200 đá 1x2, cốt thép dùng loại thép CT3 φ8, φ10; ký hiệu MT5, MG2.

- Xà, tiếp địa, giằng cột: Được chế tạo bằng thép hình được chống rỉ bằng mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp mạ  $\geq 80\mu\text{m}$ .

- Cách điện và phụ kiện: Sử dụng cách điện đứng PI 24kV và cách điện chuỗi polymer 24kV; tiêu chuẩn sản xuất TCVN 5849-1994; TCVN 5850-1994; IEC 305-1978.

- Dây dẫn: Sử dụng dây nhôm lõi thép tiết diện 70mm<sup>2</sup>, ký hiệu As 70/11; tiêu chuẩn sản xuất IEC60502, TCVN 5844:1994, TCVN 5935- 1&2:2013, TCVN 5064-1994, TCVN 5064-1994/SDD-I995; IEC60502, TCVN 5844:1994, TCVN 5935- 1&2:2013.

b) Trạm biến áp: Trạm biến áp thiết kế kiểu trạm treo trên 02 cột bê tông ly tâm cao 12m.

- Máy biến áp ba pha 180kVA-10(22)/0,4kV tổ đấu dây  $\Delta/Y0-11$ , tiêu chuẩn tổn hao không tải, tổn hao ngắn mạch đảm bảo theo Quyết định số 1011/QĐ-EVNNPC ngày 07/4/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn IEC 60296.

- Thiết bị đóng ngắt, bảo vệ máy biến áp: Phía trung áp sử dụng cầu chì tự rơi 24kV; phía hạ áp dùng Aptomat MCCB 3 pha 500V-300A.

- Bảo vệ quá điện áp khí quyển: Sử dụng chống sét van ZnO-24kV, tiêu chuẩn sản xuất TCVN 5717-1993; IEC 60099.4.

- Cách điện và phụ kiện theo: Tương tự phần đường dây trung áp 22kV.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông đúc tại chỗ M150 đá 2x4, bê tông lót M100 đá 4x6, bê tông chèn khe hở sau khi dựng cột M200 đá 1x2, cốt thép dùng loại thép CT3 φ8, φ10; ký hiệu MT4.

- Tủ hạ thế: Sử dụng tủ hạ thế trọn bộ MCCB, loại ngoài trời sơn tĩnh điện 400V-300A.

- Cáp xuất tuyến: Sử dụng cáp đồng 3 pha, loại Cu/XLPE/PVC-0,6/1kV 3x150+1x95mm<sup>2</sup>.

- Xà, giá và phụ kiện được chế tạo bằng sắt, gia công xong được mạ kẽm nhúng nóng, với độ dày lớp mạ  $\geq 80\mu\text{m}$ .

- Hệ thống nối đất: Sử dụng hệ thống nối đất cọc tia hỗn hợp mạ kẽm nhúng nóng, đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 1651-89, điện trở nối đất phải đảm bảo trị số  $R_{nd} \leq 4\Omega$ .

c) Đường dây hạ áp 0,4kV

- Loại: Đường dây trên không, sử dụng cáp vặn xoắn ABC 4x70mm<sup>2</sup>.
- Đầu nối từ tủ hạ thế trạm biến áp xây dựng mới.
- Cột: Sử dụng cột bê tông cốt thép chữ H, cao 7,5m -140, tiêu chuẩn sản xuất TCCS.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông đúc tại chỗ, bê tông lót M100 đá 4x6, bê tông móng M100 đá 2x4, bê tông chèn M200 đá 1x2, ký hiệu MV1 và MĐV.

- Dây dẫn: Sử dụng loại dây cáp nhôm vặn xoắn bọc XLPE 4\*70mm<sup>2</sup>. Dây dẫn sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 6447-1998, IEC 60502.

- Phụ kiện treo cáp bằng thép không rỉ hoặc bằng thép mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp mạ  $\geq 80\mu\text{m}$ .

- Tiếp địa: Sử dụng hệ thống tiếp địa lắp lại (RC2) cọc tia hồn hợp; được chế tạo bằng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp mạ  $\geq 80\mu\text{m}$ .

#### 7.4. Các phần phụ trợ khác theo hồ sơ thiết kế.

8. Giá trị dự toán công trình: **57.699.800.000 đồng.**

(Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- |                                   |                      |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng:               | 43.296.126.000 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 942.115.000 đồng.    |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 4.873.824.000đồng.   |
| - Chi phí khác: .                 | 3.383.426.000đồng.   |
| - Chi phí dự phòng:               | 5.204.309.000đồng.   |

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015; Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 110/HĐND ngày 10/4/2017 của HĐND tỉnh.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Phương án giải phóng mặt bằng: UBND huyện Hương Khê làm chủ đầu tư hợp phần GPMB.

12. Thời gian khởi công, hoàn thành: Năm 2019-2023.

#### Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014 và các quy định hiện hành, đảm bảo hoàn thành dự án đúng thời gian quy định, công trình xây dựng phát huy hiệu quả, an toàn bền vững.

- UBND huyện Hương Khê tổ chức triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ của dự án.

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

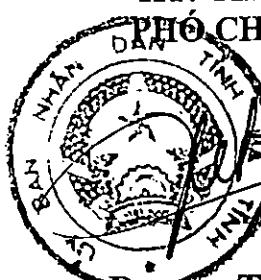
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hương Khê; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh (Chủ đầu tư) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Tất Thắng